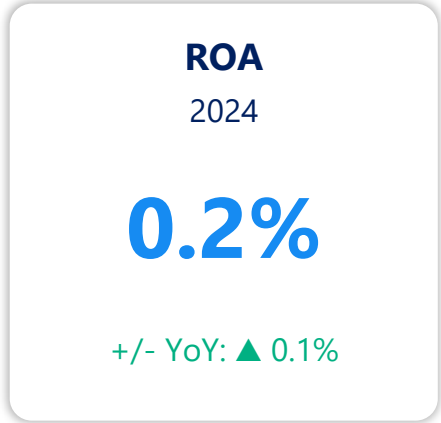
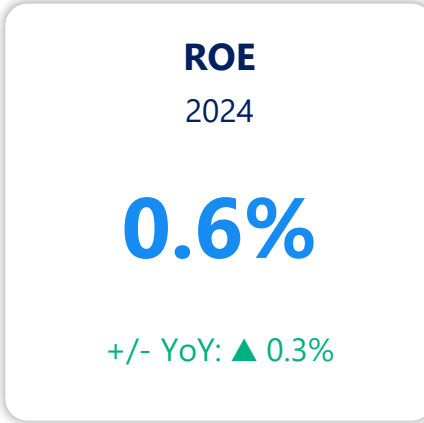
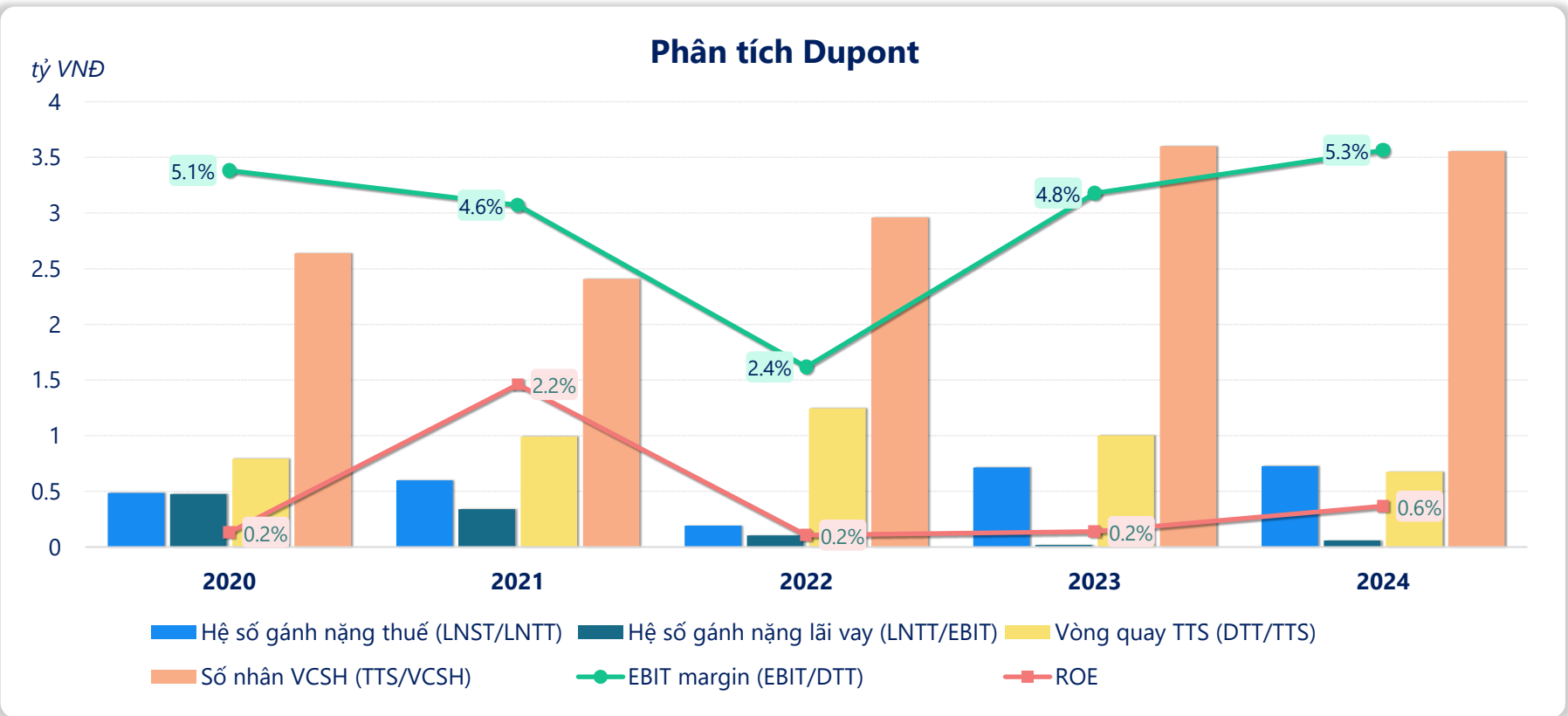
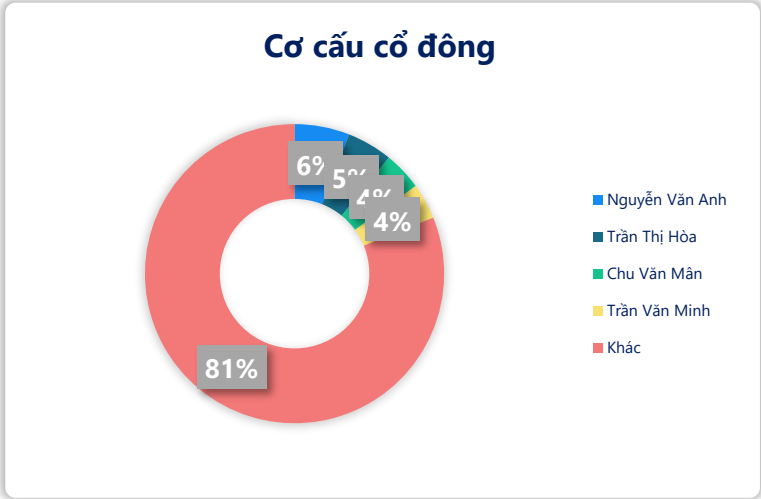


Hệ số Dupont là một công cụ phân tích tài chính giúp phân tích và hiểu rõ nguồn gốc của lợi nhuận dựa trên 5 nhân tố chính.

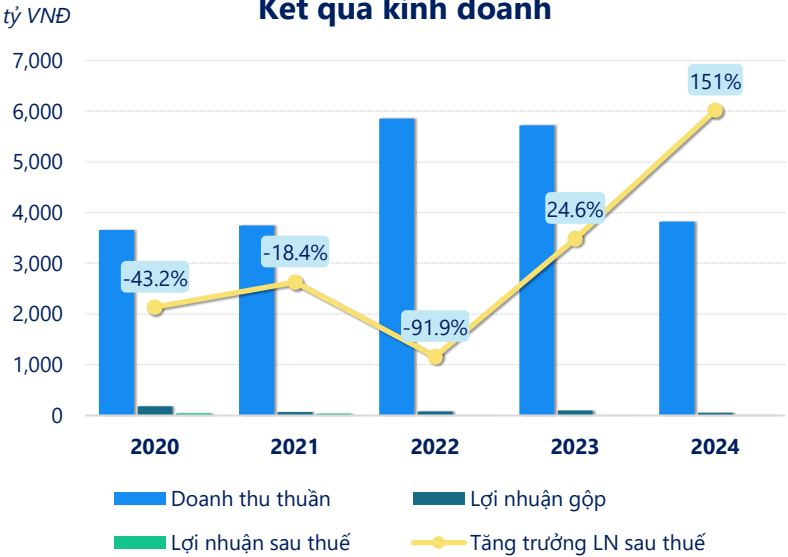
Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		6,800
Sàn giao dịch		HNX
Khoảng giá 52 tuần		6,100 - 7,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		881
Số lượng CPLH (CP)		129,607,147
KLGD BQ 20 phiên (CP)		37,510
Sở hữu nước ngoài		0.0%
Beta		0.58
EPS		67
P/E		101.2

	YTD	1T	3T	6T
SHN		0.0%	3.0%	1.5%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%



CTCP Đầu tư Tổng hợp Hà Nội (HNX: SHN)

Kết quả kinh doanh

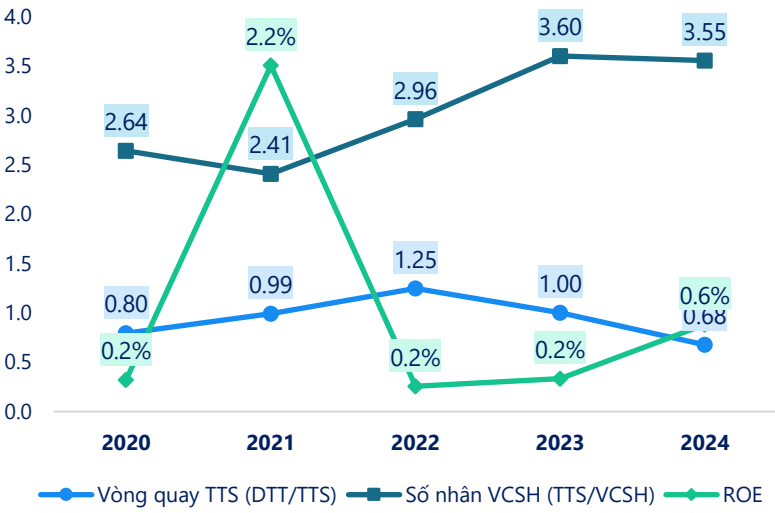


Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế và lãi vay (Ebit margin) **tăng lên** đạt **5.35%**, cho thấy sự cải thiện trong hiệu suất hoạt động và khả năng sinh lợi nhuận.

Hệ số gánh nặng thuế bằng **0.73**, **tăng** so với năm trước thường phản ánh việc giảm đi gánh nặng thuế và các chi phí thuế khác.

Hệ số gánh nặng lãi vay là **0.06**, **tăng** hơn so với năm trước thường phản ánh việc công ty đang chi trả chi phí lãi vay ít đi so với lợi nhuận trước thuế.

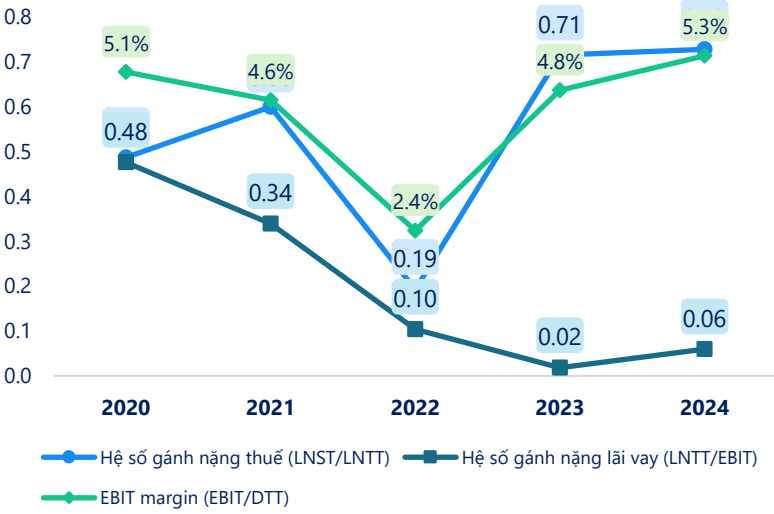
Vòng quay tài sản và ROE



Năm **2024**, **SHN** ghi nhận doanh thu thuần **3,822** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **8.89** tỷ đồng, lần lượt **giảm 33.2%** và **tăng 151%** so với năm trước.

Lợi nhuận sau thuế có sự tăng trưởng có thể thấy là kết quả của việc tối ưu hóa hoạt động kinh doanh và quản lý tài chính hiệu quả. Tuy nhiên cần cải thiện hiệu quả hoạt động để tạo sự tăng trưởng ổn định.

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay

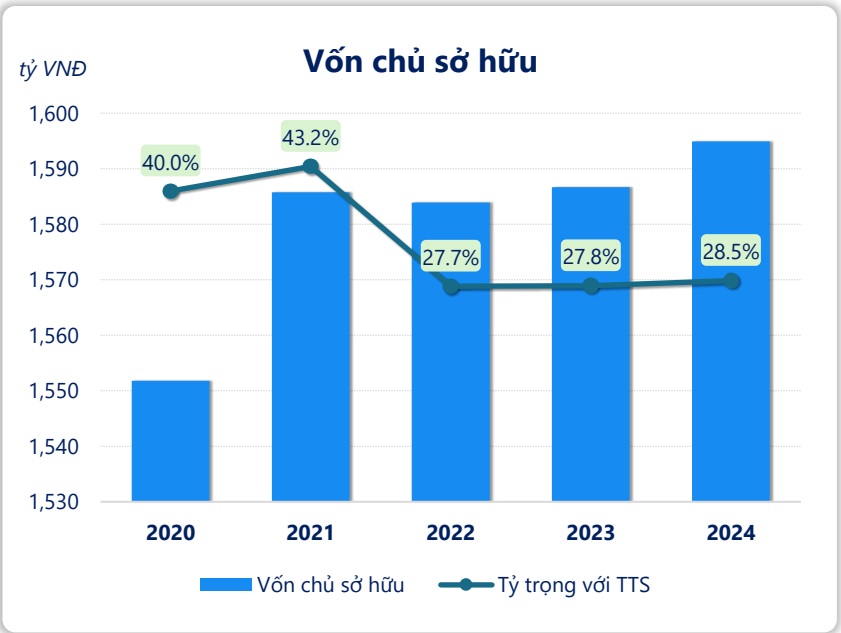
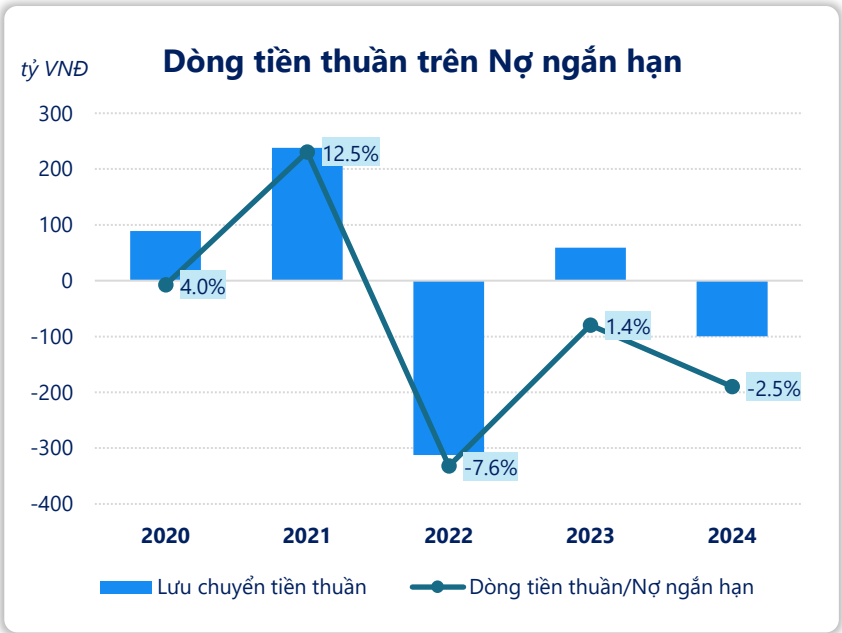
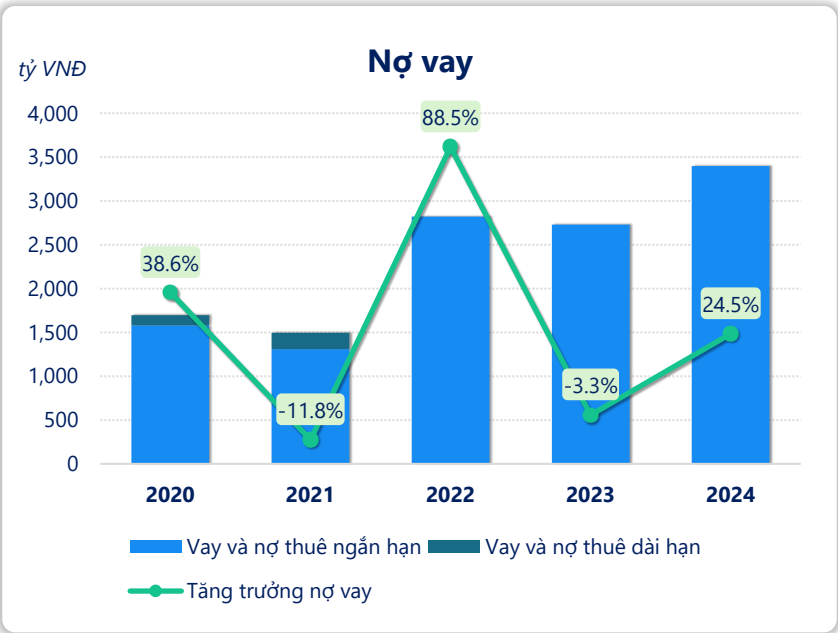
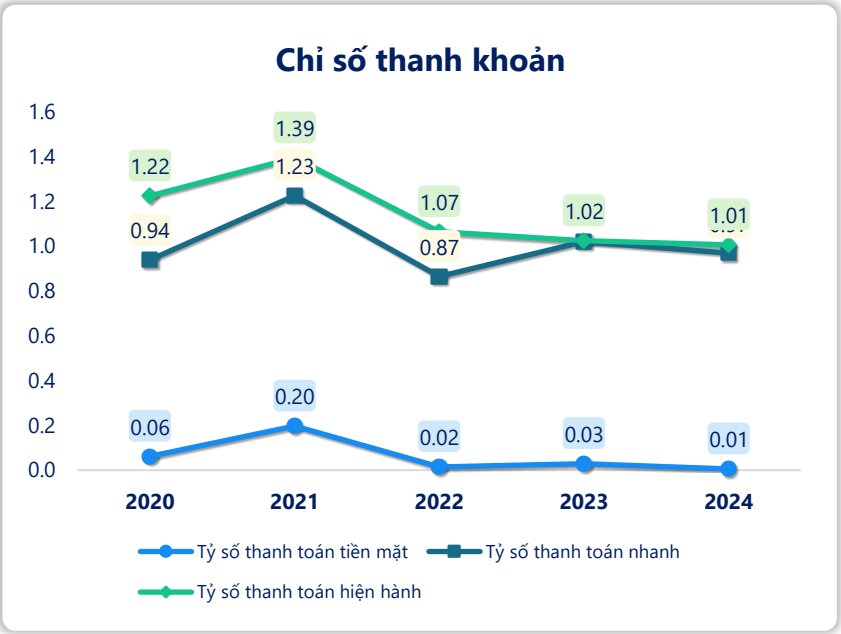
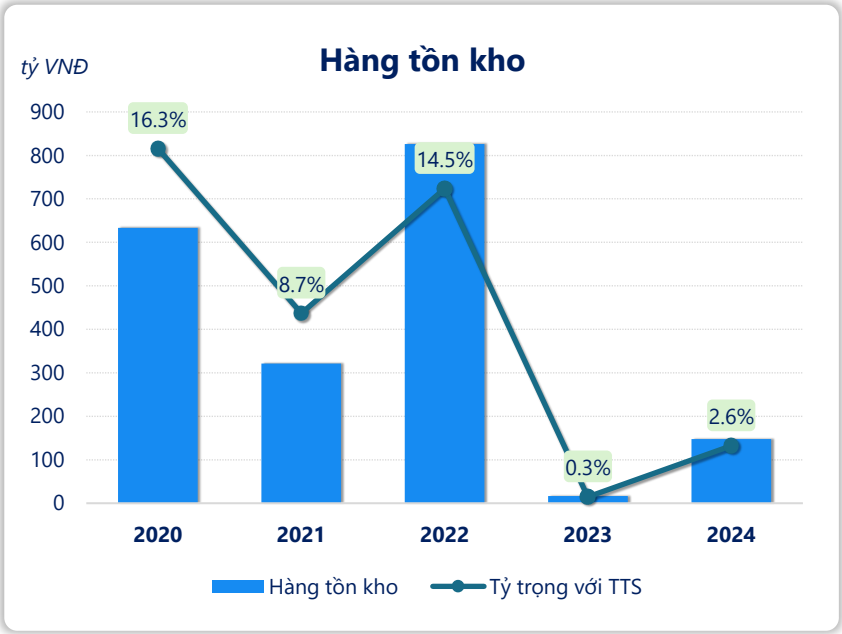
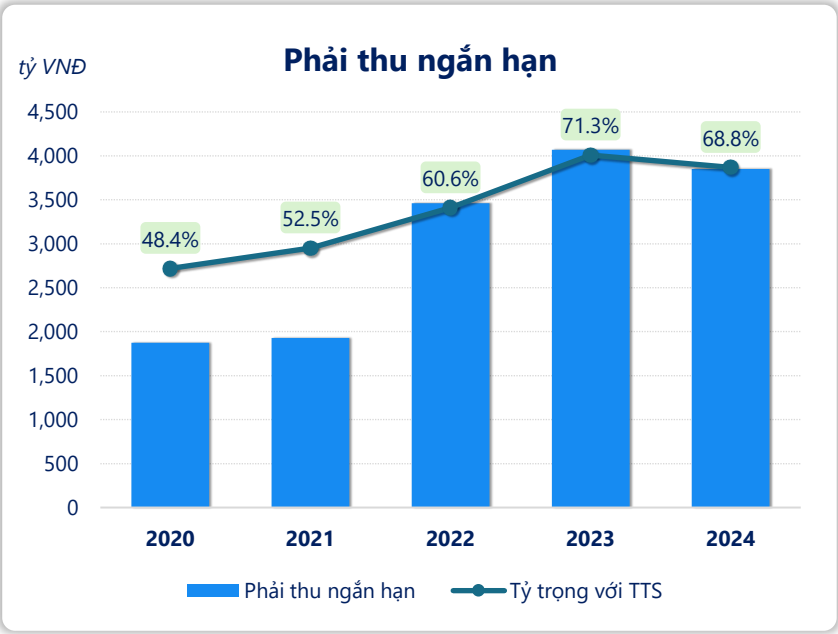


Vòng quay tổng tài sản đạt **0.68**, **giảm** so với năm trước thường phản ánh sự không hiệu quả trong quản lý và sử dụng tài sản.

Số nhân vốn chủ sở hữu **giảm xuống** còn **3.55** cho thấy tỷ lệ Nợ/VCSH thấp hơn năm trước. Cần xem xét sự thay đổi cấu trúc tài sản để đánh giá rủi ro tài chính.

Phân tích hệ số Dupont cần xem xét tổng thể tình hình tài chính của công ty trong từng giai đoạn để đưa ra kết luận đầy đủ và chính xác.

CTCP Đầu tư Tổng hợp Hà Nội (HNX: SHN)



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	5,601	5,709	-1.9%
Tài sản ngắn hạn	4,031	4,225	-4.6%
Tiền và tương đương tiền	22.0	122	-81.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	3,852	4,069	-5.3%
Hàng tồn kho	147	16.6	782%
Tài sản ngắn hạn khác	10.9	17.7	-38.4%
Tài sản dài hạn	1,570	1,484	5.8%
Phải thu dài hạn	542	541	0.1%
Tài sản cố định	24.4	15.9	53.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	182	180	1.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	818	742	10.3%
Tài sản dài hạn khác	1.19	1.41	-15.7%
Lợi thế thương mại	2.52	3.43	-26.7%
Nợ phải trả	4,006	4,122	-2.8%
Nợ ngắn hạn	4,006	4,122	-2.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3,396	2,727	24.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	509	1,016	-49.9%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,595	1,587	0.5%
Vốn chủ sở hữu	1,595	1,587	0.5%
Vốn điều lệ	1,296	1,296	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	3,657	3,746	5,854	5,724	3,822
Giá vốn hàng bán	3,474	3,679	5,775	5,625	3,766
Lợi nhuận gộp	183	66.7	78.4	99.8	55.5
Doanh thu HĐTC	158	197	141	307	253
Chi phí TC	195	122	168	343	254
Chi phí lãi vay	97.3	114	127	268	192
LN trong công ty LKLD	-0.10	-0.02	0.00	0.00	-2.83
Chi phí bán hàng	28.4	31.8	18.6	35.9	8.73
Chi phí QLDN	37.3	51.9	23.2	22.5	21.3
LN thuần từ HĐKD	79.8	57.9	10.1	5.30	21.2
Lợi nhuận khác	8.47	0.59	4.61	-0.34	-9.03
LN trước thuế	88.3	58.5	14.8	4.95	12.2
Lợi nhuận sau thuế	42.9	35.0	2.84	3.54	8.89
LNST của CĐ cty mẹ	3.47	34.4	2.54	3.31	8.76

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-252	700	-2,118	201	-736
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-144	-264	484	-49.2	-32.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	484	-198	1,321	-92.9	668
Tiền đầu kỳ	47.9	137	375	62.3	122
Lưu chuyển tiền thuần	88.9	238	-313	59.3	-99.6
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	-0.08	0.01	0.00
Tiền cuối kỳ	137	375	62.3	122	22.0